

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 13 - 4 - 2023
V/v: “Tranh chấp ly hôn, nuôi
con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Cẩm Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Dũng.

2. Ông Vũ Đức Kiều.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Quốc Tững - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 13 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 345/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp về “ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 153/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị D sinh năm 1984; địa chỉ cư trú: Ấp TT, xã BS, huyện HĐ, tỉnh KG; có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Hà Thanh Tr sinh năm 1980; địa chỉ cư trú: Ấp TT, xã BS, huyện HĐ, tỉnh KG; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/7/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị D trình bày:

Vào năm 2003, chị và anh Hà Thanh Tr tìm hiểu và yêu thương sau đó được hai bên gia đình thống nhất làm lễ cưới. Anh, chị có đăng ký kết hôn vào ngày 19/05/2003 tại Ủy ban nhân dân xã BS, huyện HĐ, tỉnh KG. Quá trình chung sống anh, chị có 02 người con là Hà Thị Diễm K, sinh năm 2003 và cháu Hà Đức Tr1, sinh ngày 26/7/2017. Về tài sản, chị và anh Tr tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án

giải quyết. Về nợ, không có.

Anh, chị chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do anh Tr thường xuyên tụ tập bạn bè ăn nhậu, đe dọa vợ con, không lo làm ăn, không chăm lo cho gia đình vợ con. Chị và anh Tr đã sống ly thân cho đến ngày làm đơn khởi kiện xin ly hôn được 8 tháng.

Nay chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất xem xét, giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hà Thanh Tr. Về nuôi con: cháu Diễm đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Tr1 cho đến khi trưởng thành, không yêu cầu anh Tr phải cấp dưỡng nuôi con.

Tại đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 29/12/2022, bị đơn là anh Hà Thanh Tr trình bày chị D muốn ly hôn thì anh đồng ý nhưng anh không lên Tòa án làm việc. Anh yêu cầu Tòa án cho anh được phép vắng mặt tại các phiên họp, phiên hòa giải và phiên tòa xét xử vụ án. Anh đề nghị Tòa án căn cứ vào chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án để xét xử theo quy định của pháp luật. Anh không có yêu cầu gì trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Hà Thanh Tr và giải quyết việc nuôi con nên quan hệ tranh chấp của vụ án là tranh chấp về “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

Anh Tr với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại xã BS, huyện HĐ, tỉnh KG nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Anh Tr có đơn yêu cầu giải quyết vắng. Xét thấy, sự vắng mặt của anh không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của anh, chị và không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 của BLTTDS.

[2] Về nội dung:

Chị D, anh Tr kết hôn vào năm 2003 và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BS, huyện HĐ, tỉnh KG vào ngày 19/5/2003 nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án chị D xác định vợ chồng anh, chị có nhiều

mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, hay cự cãi, anh Tr rệu rã không lo làm ăn. Xét thấy, anh, chị đã sống ly thân, chấm dứt quan hệ vợ chồng từ đầu từ cuối năm 2021. Từ đó cho đến nay hai bên không quan tâm, chăm sóc, lo lắng cho nhau nên đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Anh Tr cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của chị D. Vì vậy, chị D yêu cầu được ly hôn với anh Tr là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Tòa án chấp nhận.

Về nuôi con: Anh chị có hai đứa con chung tên Hà Thị Diễm K, sinh năm 2003 và cháu Hà Đức Tr1, sinh ngày 26/7/2017, các cháu đang ở chung với chị D. Cháu Diễm đã đủ tuổi thành niên nên tự quyền quyết định sống chung với cha hoặc mẹ. Đối với cháu Tr1, xét thấy, dưới sự chăm sóc, giáo dục của chị D hiện nay cháu Tr1 đang sinh sống ổn định và phát triển bình thường. Chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trong là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận. Giao các cháu Tr1 cho chị D tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành; trừ trường hợp thay đổi quyền nuôi con theo quy định của pháp luật. Anh Tr được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị D có việc làm và có thu nhập ổn định, đủ điều kiện để nuôi dưỡng con, chị không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không giải quyết.

Về tài sản: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết mà để chị và anh Tr tự thỏa thuận. Về nợ: Chị D xác định anh, chị không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp, chị D, anh Tr có phát sinh tranh chấp về tài sản, nợ thì có quyền khởi kiện trong vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị D phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266, khoản 1 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn với anh Hà Thanh Tr.

2. Về nuôi con:

Giao cháu Hà Đức Tr1, sinh ngày 26/7/2017 cho chị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ tuổi thành niên; trừ trường hợp thay đổi quyền nuôi con theo quy định của pháp luật. Anh Tr được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản.

Cháu Hà Thị Diễm K, sinh năm 2003 đã đủ tuổi thành niên nên tự quyền quyết định sống chung với cha hoặc mẹ.

3. Về án phí:

Chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008139 ngày 20/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Cơ quan Thi hành án huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã Mỹ Hiệp Sơn;
- Lưu: hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Cẩm Tú